TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST Ngày 13-12-2017 V/v ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 22/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1954;

Đăng ký HKTT và hiện trú tại: Thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969;

Đăng ký HKTT: Thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Cụ Vũ Thị M, sinh năm 1934; trú tại: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Ông K có mặt, bà B, cụ My vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/10/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Đặng Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào ngày 22/9/2014, sau khi kết hôn, bà B sống cùng ông ở thôn O, xã H, huyện T. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà chênh lệch tuổi nhiều nên quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau. Bà B đi làm thuê ở Hà Nội nhưng không cho ông biết địa chỉ. Thời gian đầu, cứ cuối tuần bà lại về nhà ông sống, nhưng từ tháng 7/2016 đến nay, mỗi lần đi làm ở Hà Nội về, bà B về hẳn nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã H sống, không quan tâm gì đến ông nữa. Ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà B.

Về quan hệ con chung, tài sản chung: Ông và bà B không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản, tài liệu cho bị đơn là bà Nguyễn Thị B và nhiều lần triệu tập bà B đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng bà B không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông K.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, cán bộ Tư pháp xã, đại diện Hội phụ nữ xã và trưởng thôn O, xã H để xác minh tình trạng hôn nhân của ông K và bà B. Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2017, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện ban, hội của địa phương đều xác nhận ông K và bà B đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Nay ông K xin ly hôn bà B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là cụ Vũ Thị Mỵ (là mẹ bà B) trình bày sau khi cưới, bà B đi làm trên Hà Nội, cuối tuần lại về nhà ông K nhưng từ tháng 9/2016, mỗi lần ở Hà Nội về, bà B không về nhà ông K mà về nhà cụ sống, ông K và bà B sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà B không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 07/12/2017, bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà B, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác. Ông K cũng trình bày mặc dù ông đã trên 60 tuổi nhưng ông vẫn tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn, không đề nghị HĐXX miễn số tiền này. Bà B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông K có mặt, bà B vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th□ờng vụ Quốc hội, xử cho ông K ly hôn bà B; về án phí: ông K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T vào ngày 22/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, từ tháng 9/2016 đến nay, ông bà đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Bà B nhiều lần được triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông K nhưng không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ cũng đề nghị HĐXX xử cho ông K được ly hôn bà B. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của ông K, xử cho ông K được ly hôn với bà B.

[3] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Đặng Văn K là nguyên đơn và là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên, ông K không đề nghị được miễn án phí mà tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn nên ông K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K, xử cho ông Đặng Văn K ly hôn bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí: Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AB/2014/0002082 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu